**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**QUẬN BÌNH THỦY**
**THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19 – 01 - 2018.
*V/v: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn".*

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phan Thúy Nguyên

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Việt Thành.

2. Bà Nguyễn Ngọc Diễm.

***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hồng Châu – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ.

Ngày 19 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 332/2017/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chị Phan Ngọc L, sinh năm: 1986.

*2. Bị đơn*: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm: 1988.

Cùng địa chỉ: Số 68/1 khu vực 2, phường T, quận B, thành phố C. (các đương sự có mặt).

3. *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*: cháu Nguyễn Xuân P (nam), sinh ngày 17/6/2012.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/09/2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Phan Ngọc L* trình bày:

Chị và anh Nguyễn Xuân Đ tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2011.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau một con chung tên Nguyễn Xuân P (Nam), sinh ngày 17/6/2012. Nhưng đến tháng 9 năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm trong cuộc sống và do anh Đ hay ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Mặc dù, đã được hai bên gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng vợ chồng không thể đoàn tụ. Chị L và anh Đ đã ly thân từ tháng 9 năm 2017, nay tình cảm vợ chồng đã thật sự không còn nên chị yêu cầu được ly hôn. Về con

chung: chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

*Tại bản tự khai đề ngày 16/11/2017 và quá trình tham gia tố tụng bị đơn –anh Nguyễn Xuân Đ* trình bày:

Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn chị L về quan hệ hôn nhân, về con chung, thời gian ly thân, tài sản và nợ chung. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng là do tính chất công việc của anh là đi làm xa (tài xế chạy tuyến đường Cần Thơ – Hà Nội) nên anh không có nhiều thời gian ở nhà, từ đó chị L thường xuyên đi chơi với bạn bè dẫn đến việc tình cảm thay đổi. Nay anh xác định cũng không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn với chị L. Về con chung, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa*, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, rút một phần về yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn anh Đ đồng ý ly hôn và thống nhất về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu. Về con chung, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Chị L và anh Đ tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và chị L có đơn khởi kiện, xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*[1]. Xét quan hệ hôn nhân*: Căn cứ giấy đăng kí kết hôn số 55/2011 ngày 18/6/2011 của UBND phường T, nên xác định hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 9/2017 cho đến nay. Thời gian ly thân cả hai không còn quan tâm chăm sóc đến nhau.

Theo chị L, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh Đ hay ghen tuông nên vợ chồng thường cự cãi. Anh Đ thì cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn và ly hôn là do công việc của anh là tài xế lái xe đường dài (tuyến đường Bắc-Nam) nên thường xuyên vắng nhà, từ đó tình cảm của chị L đã thay đổi. Nên nay anh cũng đồng ý ly hôn.

Xét, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị là có thật và cả hai thống nhất ly hôn nên Hội đồng ghi nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị L.

*[2] Về tài sản và nợ chung*: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

*[3]. Về con chung*: Anh Đ và chị L thống nhất thời gian chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Xuân P (nam), sinh ngày 17/6/2012. Điều này phù hợp với giấy khai sinh của cháu. Nên có cơ sở xác định cháu là con chung của anh chị.

Xét người trực tiếp nuôi con: Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, chị L, anh Đ đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung (cháu P). Ngoài ra, chị L yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Đ chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng (nếu như chị L trực tiếp nuôi), chị L đồng ý. Nếu như anh Đ được nuôi con thì anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử, nhận thấy: Theo như lời khai cũng như thừa nhận của anh Đ, chị L thì: Hiện tại chị L đang làm kế toán cho một Công ty tại Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, thời gian công việc cố định làm từ 7giờ sáng đến 17 giờ (5h) chiều, mức lương cơ bản từ khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng. Anh Đ làm tài xế cho Công ty Dược Hậu Giang, TP Cần Thơ (chạy tuyến đường Bắc – Nam), thời gian công việc chạy xe là 20 ngày/tháng, thời gian ở nhà là 10 ngày/tháng, lương cơ bản khoảng 10.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh Đ, chị L thừa nhận công việc trên là đúng sự thật nên đây là trường hợp không cần phải chứng minh theo qui định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS; tại khoản 2 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện …..mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc chị L làm kế toán tại khu công nghiệp Trà Nóc và anh Đ làm tài xế là có thật.

Căn cứ vào lời trình bày cũng như thừa nhận của các đương sự thì: Xét về điều kiện vật chất và mức lương, anh Đ là người có điều kiện tốt hơn. Song, xét về thời gian, địa điểm, đặc thù công việc của nguyên đơn và bị đơn, thì chị L có điều kiện đảm bảo hơn về mặt thời gian để trực tiếp đưa đón con đi học cũng như có thời gian chăm sóc con thuận tiện hơn so với anh Đ, vì hiện tại chị L làm kế toán tại Khu công nghiệp Trà Nóc, quận Bình Thủy, thời gian đi làm từ 07 giờ sáng đến 17 giờ chiều, theo như thời gian này thì cơ bản phù hợp với thời gian đưa, đón bé đến trường học. Đối với anh Đ, xét về đặc thù công việc làm tài xế cũng như công việc hiện tại của anh là tài xế chạy xe tuyến đường Bắc - Nam thì về thời gian sẽ không cố định và tại bản tự khai ngày 16/11/2017 (BL 15) anh cũng thừa nhận do tính chất công việc nên thường xuyên vắng nhà. Như vậy, so về thời gian thì anh Đ không có điều kiện bằng chị L.

Xét về thu nhập theo như anh Đ, chị L thống nhất thừa nhận thì thu nhập của chị L từ khoảng 5.000.000đ -> 6.000.000đ/tháng; anh Đ khoảng 10.000.000 đồng/tháng. So với thu nhập thì chị L có mức thu nhập thấp hơn anh Đ, tuy nhiên, đối với thu nhập của chị L với khoảng 6.000.000 đ/tháng thì đảm bảo được mức sống trung bình cũng như nhu cầu sinh hoạt để nuôi một đứa trẻ.

Anh Đ thì cho rằng nếu như anh được quyền nuôi con thì anh sẽ nghỉ làm công việc hiện tại để tìm một công việc khác phù hợp hơn, để có điều kiện chăm sóc cháu P, nhưng đây chỉ là phần trình bày, không có chứng cứ gì để chứng minh.

Hơn nữa, hiện tại cháu P đang học hành ổn định từ trước đến nay và chị L cũng đảm bảo sẽ không xáo trộn hoặc làm thay đổi về việc học của cháu và hiện cháu P còn nhỏ (hơn 5 tuổi) nên cần sự chăm sóc từ người mẹ nhiều hơn.

Từ những phân tích trên, nên việc giao cháu Nguyễn Xuân P là con chung của anh Đ chị L cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, yêu cầu của chị L là có căn cứ và anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đến khi cháu đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng chị L yêu cầu là 2.000.000 đồng/ tháng, tuy nhiên tại phiên tòa chị L và anh Đ thống nhất cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, nên HĐXX ghi nhận.

Song, mức cấp dưỡng có thể thay đổi khi không còn phù hợp với thực tế và quy định hiện hành (nếu sau này đương sự có yêu cầu).

Về án phí hôn nhân & gia đình: Chị L phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân. Anh Đ phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 55, 81, 82 và 84 Luật Hôn nhân & gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Ngọc L về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Xuân Đ.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Ngọc L và anh Nguyễn Xuân Đ thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Xuân P (nam), sinh ngày 17/6/2012; Giao cháu Phúc cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành; anh Đ cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng (*một triệu đồng*)/tháng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đ, không ai được quyền cản trở khi thực hiện quyền này.

[3]. Về tài sản và nợ chung: Ghi nhận ý kiến của đương sự về việc không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác (nếu có yêu cầu).

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị L chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 008619 ngày 10/10/2017 và chị L được nhận lại 150.000 đồng. Anh Đ phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Phan Thúy Nguyên**

***Nơi nhận***:
- Đương sự;
- VKSND Q.BT;
- Chi cục THADS Q.BT;
- TAND TP.CT;
- UBND P. T;
- Lưu hồ sơ vụ án.